

Số: 285/BC-BKTNS

Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các văn bản trình Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khóa XI¹. Ngày 07/8/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030. Kết quả thẩm tra, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7² Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, HĐND tỉnh Cà Mau ban hành Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 và HĐND tỉnh Bạc Liêu ban hành Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024.

Đến nay, 02 Nghị quyết nêu trên hết hiệu lực theo thời gian, cần có quy định để thực hiện trong thời gian tiếp theo. Đồng thời, sau sắp xếp, cơ cấu tổ chức các sở, ngành và phân cấp quản lý nhà nước tại địa phương đã có sự thay đổi, nên một số nội dung quy định tại các Nghị quyết nêu trên không còn phù hợp với điều kiện thực tế, phạm vi áp dụng.

Để công tác ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được chặt chẽ, thuận tiện, đảm bảo nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 (sau hợp nhất) phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương³ để UBND tỉnh

¹ Công văn số 158/HĐND-TT ngày 28/7/2026.

² UBND cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ về nhà ở, khai hoang (nếu có), lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

³ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 29/5/2026.

trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 ***là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.***

b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: (1) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng; (2) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu, ô nhiễm môi trường; (3) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo; (4) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

+ Đối tượng áp dụng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này không bao gồm đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

- Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra

+ Nguyên tắc hỗ trợ: (1) Sắp xếp, bố trí dân cư phải phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí ổn định dân cư để khắc phục phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai; trong đó, các hộ bị mất nhà ở, chỗ ở và các hộ có nguy cơ cao hơn được ưu tiên hỗ trợ trước; (2) Sắp xếp, ổn định dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái; (3) Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này bằng tiền để thực hiện di chuyển người và tài sản, xây dựng mới nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt (nếu có) trong thời gian đầu tại nơi tái định cư; (4) Công tác hỗ trợ phải kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng dân cư; phải đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện theo quy định; (5) Trong cùng một thời điểm, một nội dung chính sách hỗ trợ có nhiều mức khác nhau, đối tượng thụ hưởng được xem xét, áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất, tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân ổn định cuộc sống; (6) Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 lần; các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư (*tự lo tái định cư*) do bị ảnh hưởng các dự án trước đây trên địa bàn tỉnh và các đối tượng di cư tự do đã được hỗ trợ chính sách bố trí dân cư ở nơi khác thì không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết này.

+ Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức thực hiện

(1) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Mức hỗ trợ cụ thể như sau: **Hỗ trợ nhà ở** (*hỗ trợ chi phí xây dựng mới nhà ở tại nơi tái định cư*), 80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân; **hỗ trợ lương thực**, 600.000 đồng/người/tháng trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư; **hỗ trợ nước sinh hoạt** đối với hộ gia đình, cá nhân được sắp xếp, bố trí tái định cư nhưng chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, được hỗ trợ tiền nước sinh hoạt 04m³/tháng/người, nhưng không quá 12 tháng theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ.

(2) Phương thức thực hiện: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân bằng tiền thông qua chủ hộ, cá nhân sau khi hoàn tất đầy đủ hồ sơ đã quy định tại Điều 10 Thông tư 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư 13/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp chủ hộ gia đình, cá nhân không thể trực tiếp đến nhận hỗ trợ thì được uỷ quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để nhận thay.

+ Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Nhà nước (*ngân sách trung ương và ngân sách địa phương*) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau

- Đại biểu đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp một số thông tin sau:
 - + Đề nghị báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bạc Liêu (trước sáp nhập).
 - + Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 – 2030 đã được UBND tỉnh ban hành chưa.
 - + Việc bố trí dân cư có bao gồm bố trí nhà ở, hay chỉ bố trí nền.
 - + Đối tượng hỗ trợ có bao gồm cá nhân sinh sống hợp pháp trong rừng phòng hộ; đồng bào dân tộc thiểu số không.
 - + Việc quy định chính sách hỗ trợ có bao gồm đối tượng ổn định tại chỗ. Trường hợp không có, thì đối tượng ổn định tại chỗ được hỗ trợ như thế nào.
 - + Khu tái định cư nhưng chưa có hệ thống nước tập trung thì có phù hợp hay không. Trường hợp không có hệ thống nước tập trung thì việc hỗ trợ không quá 12 tháng có đáp ứng yêu cầu tái định cư, hay cần nâng mức thời gian hỗ trợ.
 - + Việc hỗ trợ “*nâng cấp nhà ở một lần*” theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau có được thực hiện hỗ trợ ở các chương trình khác không.
- Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã thảo luận, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ thêm một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, như sau:
 - + Đối với tờ trình của UBND tỉnh
 - Về cơ sở pháp lý, đề nghị bổ sung Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.
 - Về quá trình xây dựng văn bản, đề nghị biên tập, cung cấp đầy đủ thông tin các văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị.
 - Bổ sung cơ sở pháp lý đề xuất các mức hỗ trợ như dự thảo nghị quyết.
 - Bổ sung nguồn lực, kinh phí dự kiến thực hiện hằng năm.
 - Bổ sung đánh giá thuận lợi, khó khăn và kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bạc Liêu (trước sáp nhập).
 - Hồ sơ dự thảo Nghị quyết chưa có kiến chuyên ngành của 4 đơn vị, gồm: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định khoản 2 Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh đảm bảo theo quy định.
 - + Đối với dự thảo Nghị quyết
 - Tên Nghị quyết, đề nghị chuyển cụm từ “*trên địa bàn tỉnh Cà Mau*” vào cuối câu. Viết lại như sau “*Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau*”.
 - Phần căn cứ, đề nghị rà soát, thực hiện đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP “*Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm*

pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”. Theo đó, đề nghị không căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo.

- Tại khoản 3 Điều 3, đề nghị bỏ cụm từ “*thực hiện di chuyển người và tài sản*”, do nội dung này không giao HĐND tỉnh quy định.

- Tại khoản 6 Điều 3, đề nghị bổ sung quy định theo hướng đối tượng thụ hưởng nếu được hưởng chế độ hỗ trợ theo các chương trình, dự án khác vẫn được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này.

- Tại khoản 2 Điều 6, đề nghị không quy định, do các văn bản đã hết hiệu lực thi hành theo thời gian, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh bãi bỏ các Nghị quyết trên theo quy định. Đồng thời, có đại biểu đề nghị giữ nguyên như dự thảo, do Nghị quyết này được xây dựng trên các căn cứ pháp lý trước đây.

- Tại Điều 7, đề nghị thay thế cụm từ “*ngày 01 tháng 01 năm 2026*” thành “*Nghị quyết này có hiệu lực thi hành*”.

- + Ngoài ra, đại biểu còn có một số góp ý về cách trình bày thể thức, câu từ, nhằm hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

- *Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường*

- + Đối tượng áp dụng được đề xuất tại dự thảo Nghị quyết được rà soát, chuẩn hóa đối tượng hỗ trợ trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg và Điều 2 Thông tư số 24/2023/TTBNNPTNT; đồng thời, kế thừa những quy định còn phù hợp của hai Nghị quyết trước đây. Việc điều chỉnh, sắp xếp lại các nhóm đối tượng nhằm bảo đảm thống nhất với văn bản của Trung ương, tránh trùng lặp giữa các nhóm đối tượng và tạo thuận lợi trong quá trình xác định đối tượng được hưởng chính sách khi tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh sau hợp nhất. Đối tượng là cá nhân sinh sống hợp pháp tại rừng phòng hộ không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách, do Quyết định số 590/QĐ-TTg không quy định.

- + Đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nếu đối tượng hộ gia đình, cá nhân riêng lẻ trong vùng sạt lở, bị ảnh hưởng thiên tai thì vẫn được hỗ trợ.

- + Hiện nay, đa phần các khu tái định cư đều có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung. Mục đích của chính sách là hỗ trợ không thu tiền sử dụng nước sinh hoạt đối với đối tượng thụ hưởng trong giai đoạn đầu tại nơi tái định cư. Đối với nội dung này, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, điều chỉnh thành 02 nội dung, gồm: (1) Khu tái định cư có hệ thống nước sinh hoạt tập trung; (2) Khu dân cư chưa có hệ thống nước sinh hoạt tập trung.

+ Việc bố trí dân cư theo Chương trình chỉ bố trí nền, không bố trí nhà ở. Riêng giai đoạn 2021 - 2025, có xã Đông Hải được bố trí nền và hỗ trợ 85 triệu xây nhà ở.

+ Nội dung dự thảo Nghị quyết không hỗ trợ đối với đối tượng ổn định tại chỗ. Đối tượng ổn định tại chỗ được hưởng chính sách khác, do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện.

+ Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, tuy nhiên đến nay UBND tỉnh chưa ban hành.

+ Việc hỗ trợ “*nâng cấp nhà ở một lần*” theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau được thực hiện hỗ trợ lồng ghép với các chương trình khác.

+ Dự kiến kinh phí địa phương thực hiện khoảng 110 tỷ đồng, hỗ trợ cho khoảng hơn 1.000 hộ gia đình.

+ Thống nhất quy định điều khoản bãi bỏ 02 Nghị quyết trước đây như dự thảo, do Nghị quyết này được xây dựng trên các căn cứ pháp lý trước đây

+ Các ý kiến còn lại của đại biểu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, tham mưu UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp hiến*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) *Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành⁴.

⁴ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có nội dung quy định trực tiếp đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

Tuy nhiên, đến thời điểm thẩm tra, qua rà soát hồ sơ trình, Ban Kinh tế - Ngân sách chưa nhận được ý kiến của Sở Tư pháp về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật, Sở Tài chính về nguồn tài chính, Sở Nội vụ về việc được phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực, Sở Khoa học và Công nghệ về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định khoản 2 Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh đảm bảo theo quy định.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

a) Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp⁵.

⁵ Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 625/TTr-UBND ngày 02/8/2026 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030; (2) dự thảo Nghị quyết; (3) bản so sánh thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (4) bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo số 862/BC-STP ngày 07/7/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; (6) Báo cáo số 1128/BC-SNNMT ngày 14/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; (7) Công văn số 3597/SNNMT-KTHT ngày 30/7/2026 của Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết; (8) Tờ trình số 775/TTr-

7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết và ý kiến thảo luận tại Hội nghị thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 ***là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh***, nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương⁶, tạo sự thống nhất quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành.

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý trong triển khai các chính sách quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư, chính sách được thực hiện ổn định, thường xuyên, liên tục; qua đó, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân bị ảnh hưởng, góp phần ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nội dung dự thảo Nghị quyết được cơ quan soạn thảo xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bạc Liêu (trước sáp nhập) và bám sát theo các nội dung, mức chi được quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT, dự báo tình hình, đối tượng phát sinh và khả năng ngân sách của tỉnh, cơ quan trình đề xuất 03 nội dung và mức hỗ trợ, gồm: ***hỗ trợ nhà ở; hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư; hỗ trợ nước sinh hoạt tại nơi chưa có hệ thống cấp nước tập trung*** là phù hợp với nội dung được giao tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT; đối tượng hỗ trợ được đề xuất trên cơ sở bám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Trong đó, mức chi hỗ trợ được xây dựng điều chỉnh phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh và hướng dẫn của trung ương trong giai đoạn hiện nay, phù hợp với điều kiện giá cả thực tế tại địa phương. Các nội dung chi được thực hiện theo phương thức hỗ trợ bằng tiền mặt, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện, phù hợp với cơ chế quản lý ngân sách hiện hành, giúp đối tượng thụ hưởng chủ động trong việc lựa chọn nhu cầu thiết yếu trong giai đoạn đầu ổn định nơi ở mới. Cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, địa phương liên quan và đối tượng chịu sự tác động theo đúng quy định.

Trên cơ sở hồ sơ trình và giải trình của cơ quan soạn thảo, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh ***đối với 03 nội dung và mức hỗ trợ như***

SNNMT ngày 14/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; (9) một số văn bản khác có liên quan.

⁶ Tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT quy định “UBND cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ về nhà ở, khai hoang (nếu có), lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”.

Tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 24/2023/TT-BNNMT quy định trách nhiệm của UBND tỉnh “Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và trình HĐND cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư”.

dự thảo, gồm: (1) Hỗ trợ chi phí xây dựng mới nhà ở tại nơi tái định cư: **80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân**; (2) hỗ trợ lương thực: **600.000 đồng/người/tháng** trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư; (3) hỗ trợ nước sinh hoạt tại nơi chưa có hệ thống cấp nước tập trung **04m³/người/tháng, nhưng không quá 12 tháng** theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ. Các nội dung hỗ trợ không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện, lồng ghép thông qua các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án và chính sách khác của tỉnh theo quy định. Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất chỉ hỗ trợ 01 lần cho 01 đối tượng; đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được bố trí nền tái định cư (**được cấp có thẩm quyền phê duyệt**) nhưng chưa được hỗ trợ thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo các Nghị quyết trước đây.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự thảo Nghị quyết bảo đảm cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản cơ bản bảo đảm theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung hồ sơ, trình Kỳ họp đúng quy định. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LDVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Vũ Hồng Như Yến